Franklin Square Elementary

Baltimore City (30:0095)

% Tỉ Lệ Chuyên Cần	Trường 2015	Trường 2014	Quận 2015	Quận 2014	Tiểu bang 2015	Tiểu bang 2014
Tiểu học	**93.6**	93.4	**93.0**	93.2	**95.4**	95.7
Sơ trung	**94.4**	94.3	**92.1**	93.5	**95.0**	95.4
Cao	*	*	**82.4**	81.8	**92.4**	92.7

Tỉ Lệ Tốt Nghiệp Theo Nhóm%						
Lớp 2014 (Tỉ Lệ 4 Năm)		*		69.65		86.39
Lớp 2014 (Tỉ Lệ 5 Năm)	*		**74.93**		**88.70**	

Năng Lực Giáo Viên	Trường 2015	Trường 2014	Quận 2015	Quận 2014	Tiểu bang 2015	Tiểu bang 2014
% chứng chỉ:						
Chuyên Môn Tiêu Chuẩn	**10.5**	23.5	**26.6**	27.9	**27.4**	27.2
Chuyên Môn Nâng Cao	**57.9**	41.2	**49.2**	47.6	**65.2**	65.5
Giáo Viên Nội Trú	**10.5**	5.9	**7.4**	2.8	**1.1**	0.7
Giáo Viên Có Điều Kiện	**5.3**	5.9	**2.3**	1.9	**1.5**	1.0
% lớp KHÔNG được phụ trách bởi các giáo viên có năng lực						
Tất Cả Điểm Tứ Phân Vị	**31.6**	36.6	**20.8**	21.7	**8.4**	7.6
Tiểu Học, Tỉ Lệ Nghèo Thấp	*	*	**0.0**	*	**2.9**	3.0
Tiểu Học, Tỉ Lệ Nghèo Cao	*	*	**18.6**	21.2	**10.5**	11.4
Sơ Trung, Tỉ Lệ Nghèo Thấp	*	*	*	34.7	**6.7**	6.0
Sơ Trung, Tỉ Lệ Nghèo Cao	*	*	**25.2**	22.7	**17.7**	15.7

"*" cho biết không có học sinh nào hoặc có dưới 10 học sinh thuộc loại này.

Tỉ Lệ Chuyên Cần

Tỉ Lệ Chuyên Cần là tỷ lệ học sinh trong trường đi học ít nhất một nửa số ngày học trung bình trong năm học. Chuyên cần là số đo về trách nhiệm của nhà trường đối với các trường tiểu học và sơ trung. Các mục tiêu hàng năm về chuyên cần đã được đặt ra sao cho đến cuối năm học 2013-14, Tiểu Bang, các trường, và các hệ thống trường học sẽ đạt được và duy trì tỉ lệ chuyên cần ít nhất là 94 phần trăm.

Tỉ Lệ Tốt Nghiệp Theo Nhóm

Bộ Giáo Dục Hoa Kỳ hiện nay yêu cầu mỗi tiểu bang phải sử dụng tỉ lệ tốt nghiệp theo nhóm để đánh giá trách nhiệm của nhà trường. Tỉ lệ tốt nghiệp theo nhóm đã điều chỉnh đảm bảo rằng tất cả học sinh nào vào lớp 9 cùng nhau sẽ được tính vào tỉ lệ tốt nghiệp khi kết thúc 4 năm và khi kết thúc 5 năm.

Dữ liệu tỉ lệ tốt nghiệp theo nhóm cho năm 2014 là tỉ lệ 4 năm đối với nhóm học sinh vào lớp chín lần đầu vào mùa thu 2010 và tốt nghiệp không trễ hơn năm 2014. Tỉ lệ 5 năm trong năm 2014 là cùng nhóm đó tốt nghiệp không trễ hơn năm 2015.

Năng Lực Giáo Viên

Tỉ lệ giáo viên ở từng loại dựa trên số giáo viên có năng lực và giảng dạy các môn chính theo định nghĩa của chính quyền liên bang theo Đạo Luật Quan Tâm Tới Mọi Trẻ Em. Các môn học chính là tiếng Anh, đọc hoặc ngữ văn, toán, khoa học, ngoại ngữ, giáo dục công dân và chính phủ, kinh tế, nghệ thuật, lịch sử, và địa lý. Giáo viên nào dạy các môn khác không được tính vào tổng số.

Chứng Chỉ Chuyên Môn Tiêu Chuẩn: Chứng Chỉ Chuyên Môn Tiêu Chuẩn cho thấy giáo viên đáp ứng mọi yêu cầu chứng nhận.

Chứng Chỉ Chuyên Môn Nâng Cao: Chứng Chỉ Chuyên Môn Nâng Cao (Advanced Professional Certificate) đòi hỏi phải có ba năm kinh nghiệm chuyên môn liên quan đến hoạt động của nhà trường đạt yêu cầu, và bằng thạc sĩ hoặc tối thiểu 36 giờ học trình độ sau tú tài trong học kỳ.

Chứng Chỉ Giáo Viên Nội Trú: Chứng Chỉ Giáo Viên Nội Trú được cấp cho giáo viên trong một chương trình dự bị thay thế được duyệt theo yêu cầu của một giám đốc hệ thống trường học địa phương.

Chứng Chỉ Giáo Viên Có Điều Kiện: Chứng Chỉ Có Điều Kiện chỉ được cấp theo yêu cầu của giám đốc hệ thống trường học địa phương cho một đương đơn nào có bằng cử nhân nhưng không đáp ứng tất cả các yêu cầu chứng nhận.

Giáo Viên Có Năng Lực Cao: "Có Năng Lực Cao" được định nghĩa cụ thể theo luật pháp liên bang. Giáo viên phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu cả về kiến thức môn học và kỹ năng giảng dạy. Giáo viên phải có bằng cử nhân, chứng nhận đầy đủ của Tiểu Bang, và thể hiện kiến thức ở các môn mình phụ trách.

Tiến Bộ Của Nhà Trường và Các Mục Tiêu Có Thể Đánh Giá Hàng Năm (AMO)

Vào ngày 10 tháng Mười Hai, 2015, Tổng Thống Obama ký Đạo Luật Đảm Bảo Sự Thành Công Của Mọi Học Sinh (Every Student Succeeds Act, ESSA). Theo thẩm quyền của Bộ Giáo Dục Hoa Kỳ (USED) để đảm bảo sự chuyển tiếp có trật tự sang ESSA, USED sẽ không yêu cầu các Tiểu Bang xác định mục tiêu AMO cho các năm học 2014-2015 hoặc 2015-2016 để USED đánh giá và phê duyệt, USED cũng không yêu cầu các Tiểu Bang báo cáo thành tích dựa trên AMO cho các năm học 2014-2015 hoặc 2015-2016.

Do có sự chỉ đạo này, Maryland sẽ không đánh giá LEA và các trường dựa trên AMO.

Franklin Square Elementary

Các Trình Độ Thành Thạo của MSA

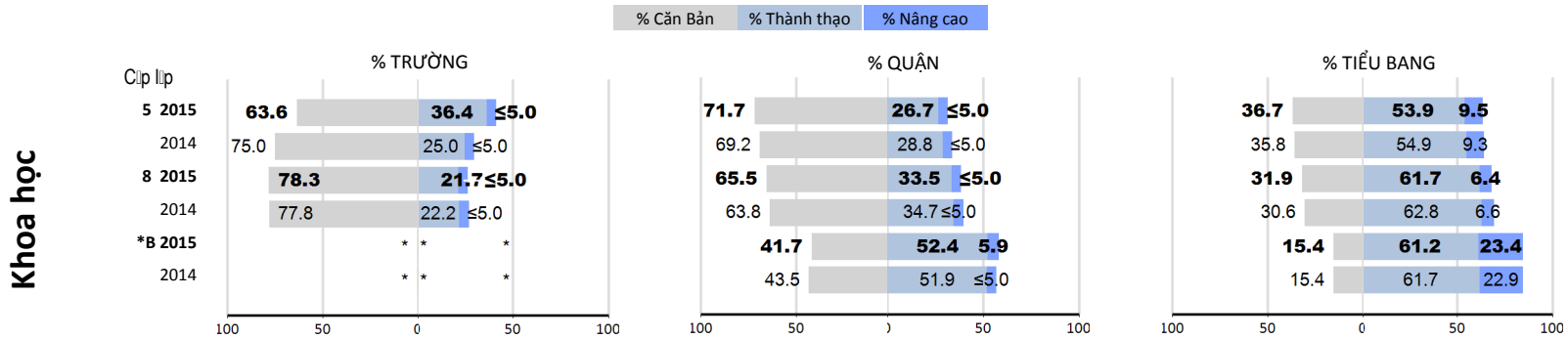

"*" cho biết không có học sinh nào hoặc có dưới 10 học sinh thuộc loại này. ***B**: Sinh học

Kỳ Thi của Các Trường Maryland (MSA)

MSA đánh giá kiến thức của học sinh lớp 5 và 8 về Khoa Học. Thành tích trung học được đánh giá bằng Kỳ Thi Trung Học Môn Sinh Học (Biology High School Assessment, HSA). Thành tích được báo cáo dưới dạng tỉ lệ học sinh ở từng khối lớp đã đạt được tiêu chuẩn Căn Bản, Thành Thạo, hoặc Nâng Cao. Tất cả học sinh phải đạt được tiêu chuẩn Thành Thạo hoặc Nâng Cao.

Mô Tả Trình Độ Thành Thạo

	Khoa học:	**Sinh học:**
% Căn Bản	Học sinh thể hiện rằng các em cần học thêm để đạt được trình độ thành thạo. Các em sử dụng bằng chứng bổ trợ tối thiểu, và các câu trả lời cung cấp ít hoặc không cung cấp sự tổng hợp thông tin.	Học sinh thể hiện kiến thức tối thiểu về các khái niệm, nguyên tắc, và/hoặc kỹ năng sinh học. Các câu trả lời của học sinh cho thấy có sự tổng hợp thông tin hạn chế và kiến thức về thuật ngữ khoa học.
% Thành thạo	Học sinh sử dụng bằng chứng bổ trợ nói chung hoàn thành với sự kết hợp nào đó các khái niệm, nguyên tắc, và/hoặc kỹ năng khoa học.	Học sinh thể hiện mức thành tích thực tế và cao bằng cách thể hiện kiến thức về các khái niệm sinh học và khả năng sử dụng bằng chứng khoa học để kết hợp tổng quát các khái niệm, nguyên tắc và/hoặc kỹ năng khoa học. Các câu trả lời của học sinh cho thấy có sự tổng hợp thông tin nào đó và kiến thức về thuật ngữ khoa học.
% Nâng cao	Học sinh sử dụng bằng chứng khoa học để thể hiện sự kết hợp đầy đủ các khái niệm, nguyên tắc, và/hoặc kỹ năng khoa học.	Học sinh thể hiện mức thành tích mẫu mực bằng cách thể hiện kiến thức hoàn chỉnh về các khái niệm sinh học và khả năng sử dụng bằng chứng khoa học để kết hợp đầy đủ các khái niệm, nguyên tắc và/hoặc kỹ năng khoa học. Các câu trả lời của học sinh cho thấy có sự tổng hợp thông tin đầy đủ và kiến thức về thuật ngữ khoa học.

Franklin Square Elementary

Các Trình Độ Thành Thạo của Alt-MSA

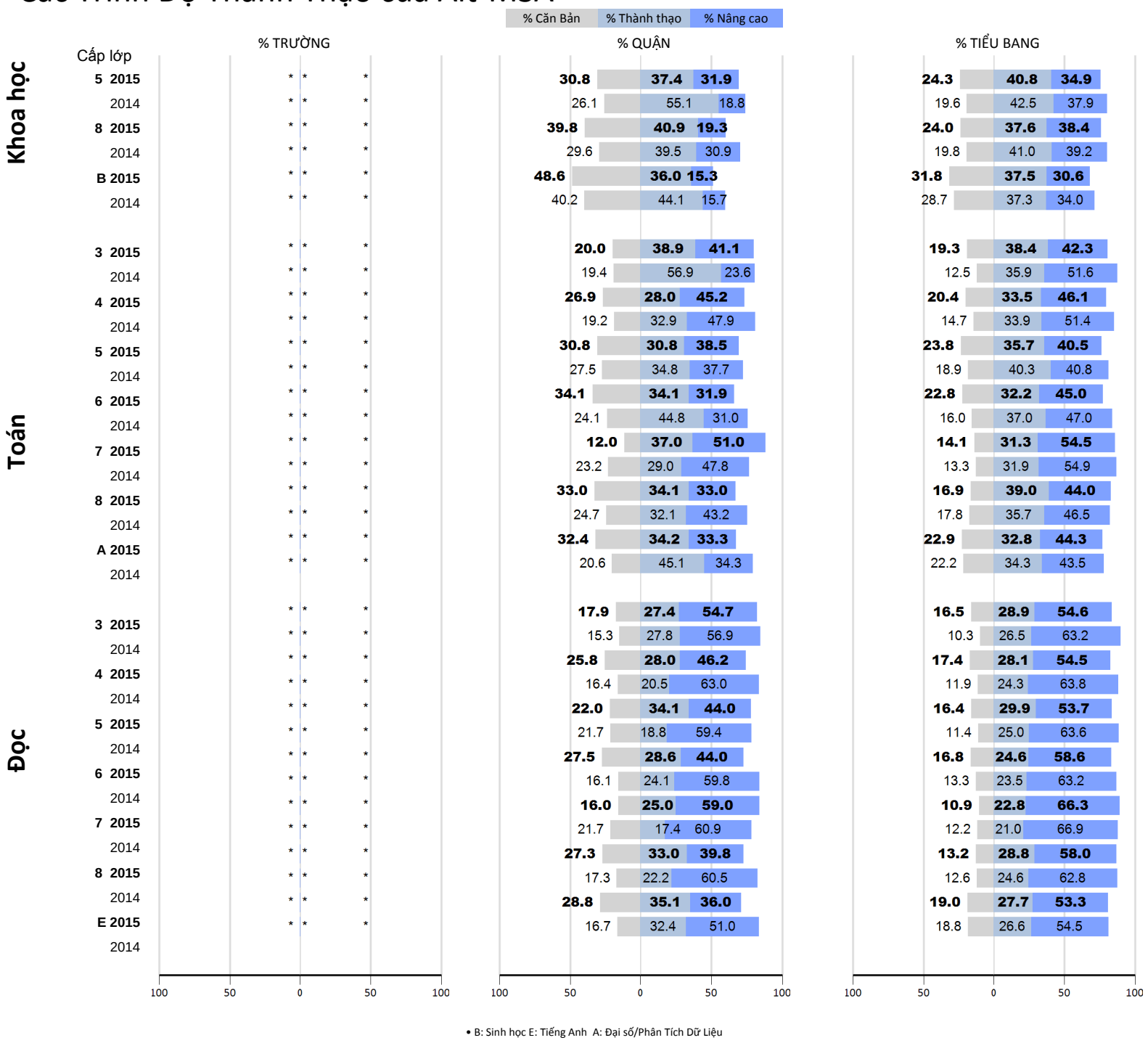

• B: Sinh học E: Tiếng Anh A: Đại số/Phân Tích Dữ Liệu

Kỳ Thi Thay Thế của Các Trường Maryland (Alternate Maryland School Assessment, Alt-MSA)

Kỳ Thi Thay Thế của Các Trường Maryland (Alt-MSA) dành cho học sinh khuyết tật nào không thể tham dự kỳ thi MSA môn Khoa Học hoặc kỳ thi PARCC môn Ngữ Văn Anh hoặc Toán ngay cả khi có các biện pháp điều chỉnh đặc biệt mà các em nhận được trong quá trình học trong lớp bình thường. Kỳ thi này đánh giá trình độ thành thạo của học sinh đối với các tiêu chuẩn nội dung môn đọc và toán hoặc các kỹ năng tiếp cận thích hợp. Học sinh đủ điều kiện sẽ tham gia kỳ thi này ở lớp 3-8 và một lần trong nhóm khối lớp trung học. Thành tích được báo cáo dưới dạng tỉ lệ học sinh ở từng khối lớp đã đạt được tiêu chuẩn Căn Bản, Thành Thạo, hoặc Nâng Cao.

Franklin Square Elementary

Hiệu suất đánh giá kết quả Tóm tắt các PARCC - 2015

			Mức Thành Tích									
			Trình độ 1		Trình độ 2		Trình độ 3		Trình độ 4		Trình độ 5	
			Không đáp ứng yêu cầu		Phần nào đáp ứng yêu cầu		Gần đáp ứng yêu cầu		Đáp ứng yêu cầu		Vượt yêu cầu	
	ĐÃ KIỂM TRA		Số	%	Số	%	Số	%	Số	%	Số	%
Tiếng Anh/Ngữ Văn 3	Tiểu bang	65088	13108	20.1	12816	19.7	14322	22.0	21951	33.7	2891	4.4
	Quận	6300	2022	32.1	1734	27.5	1260	20.0	1203	19.1	*	≤5.0
	Trường	37	14	37.8	10	27.0	6	16.2	6	16.2	*	≤5.0
Tiếng Anh/Ngữ Văn 4	Tiểu bang	63792	8012	12.6	12855	20.2	17329	27.2	20718	32.5	4878	7.6
	Quận	5927	1950	32.9	1921	32.4	1334	22.5	653	11.0	*	≤5.0
	Trường	32	14	43.8	12	37.5	6	18.8	*	≤5.0	*	≤5.0
Tiếng Anh/Ngữ Văn 5	Tiểu bang	63331	7528	11.9	13204	20.8	17245	27.2	23353	36.9	2001	3.2
	Quận	5767	1801	31.2	1972	34.2	1272	22.1	706	12.2	*	≤5.0
	Trường	32	5	15.6	17	53.1	5	15.6	5	15.6	*	≤5.0
Tiếng Anh/Ngữ Văn 6	Tiểu bang	62055	7353	11.8	13429	21.6	18848	30.4	19893	32.1	2532	4.1
	Quận	5307	995	18.7	1679	31.6	1575	29.7	950	17.9	*	≤5.0
	Trường	51	9	17.6	18	35.3	19	37.3	5	9.8	*	≤5.0
Tiếng Anh/Ngữ Văn 7	Tiểu bang	61200	10536	17.2	11686	19.1	15297	25.0	17718	29.0	5963	9.7
	Quận	5024	1942	38.7	1330	26.5	1051	20.9	588	11.7	*	≤5.0
	Trường	53	16	30.2	17	32.1	12	22.6	8	15.1	*	≤5.0
Tiếng Anh/Ngữ Văn 8	Tiểu bang	59335	10111	17.0	10969	18.5	14240	24.0	19839	33.4	4176	7.0
	Quận	4765	1929	40.5	1250	26.2	924	19.4	601	12.6	*	≤5.0
	Trường	46	15	32.6	22	47.8	5	10.9	4	8.7	*	≤5.0
Toán 3	Tiểu bang	65594	9748	14.9	14771	22.5	17224	26.3	19600	29.9	4251	6.5
	Quận	6343	1700	26.8	1950	30.7	1562	24.6	1005	15.8	*	≤5.0
	Trường	37	3	8.1	16	43.2	8	21.6	9	24.3	*	≤5.0
Toán 4	Tiểu bang	64290	8870	13.8	18133	28.2	17579	27.3	17957	27.9	1751	2.7
	Quận	5960	1925	32.3	2263	38.0	1189	19.9	556	9.3	*	≤5.0
	Trường	32	18	56.3	9	28.1	4	12.5	*	≤5.0	*	≤5.0
Toán 5	Tiểu bang	63828	8337	13.1	18491	29.0	17946	28.1	16441	25.8	2613	4.1
	Quận	5794	1757	30.3	2230	38.5	1212	20.9	566	9.8	*	≤5.0
	Trường	32	5	15.6	18	56.3	6	18.8	3	9.4	*	≤5.0
Toán 6	Tiểu bang	62194	8473	13.6	17837	28.7	17552	28.2	16345	26.3	1987	3.2
	Quận	5335	1724	32.3	2101	39.4	1011	19.0	454	8.5	*	≤5.0
	Trường	51	21	41.2	27	52.9	3	5.9	*	≤5.0	*	≤5.0
Toán 7	Tiểu bang	55010	7181	13.1	17630	32.0	18528	33.7	11036	20.1	635	1.2
	Quận	5094	1381	27.1	2196	43.1	1115	21.9	365	7.2	*	≤5.0
	Trường	53	17	32.1	21	39.6	15	28.3	*	≤5.0	*	≤5.0
Toán 8	Tiểu bang	41166	11971	29.1	11126	27.0	8530	20.7	8056	19.6	1483	3.6
	Quận	4371	2304	52.7	1233	28.2	587	13.4	237	5.4	*	≤5.0
	Trường	46	30	65.2	15	32.6	*	≤5.0	*	≤5.0	*	≤5.0

Chương Trình Hợp Tác Đánh Giá Sự Sẵn Sàng vào Đại Học và Đi Làm (PARCC)
Vào năm 2015 Maryland triển khai các kỳ thi mới của tiểu bang theo chương trình Hợp Tác Đánh Giá Sự Sẵn Sàng Vào Đại Học và Đi Làm (Partnership for Assessment of Readiness for College and Careers, PARCC) ở môn đọc và toán. Các kỳ thi mới này thay thế cho Các Kỳ Thi của Các Trường Maryland ở môn tiếng Anh và Toán lớp 3-8, và thay thế Các Kỳ Thi Trung Học môn Đại Số và tiếng Anh 10 đối với tất cả học sinh chưa tốt nghiệp vào năm 2015.

Các Từ Mô Tả Trình Độ Thành Tích (PLD) PARCC

Các từ mô tả trình độ thành tích đối với môn ngữ văn Anh/đọc viết và Toán mô tả những gì một học sinh bình thường ở từng trình độ sẽ có thể thể hiện dựa trên trình độ thành thạo các tiêu chuẩn cấp lớp của các em.

Trình độ 1: Không đáp ứng yêu cầu
Trình độ 2: Phần nào đáp ứng yêu cầu
Trình độ 3: Sắp đáp ứng yêu cầu
Trình độ 4: Đã đáp ứng yêu cầu
Trình độ 5: Vượt yêu cầu